LỊCH HỌC THỰC HÀNH

TUẦN: 3 (HK2) ***Từ ngày:*** ***21/12/2020*** ***đến ngày:*** ***27/12/2020***

ĐƠN VỊ: KHOA ĐIỆN TỬ

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhóm	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học														Giảng viên	Ghi chú
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật			
									Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
1	ĐTMT	ĐH	14	202020803102002	1	1	25	CAD trong điện tử							2	1303A1							Trần Quang Việt	
2	ĐTMT	ĐH	14	202020803102004	1	1	25	CAD trong điện tử					1	1303A1									Trần Quang Việt	
3	ĐTMT	ĐH	14	202020803102005	1	1	25	CAD trong điện tử					2	1303A1									Trần Quang Việt	
4	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001001	1	1	25	CAD trong điện tử	2	1303A1													Trần Quang Việt	
5	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001006	1	1	25	CAD trong điện tử							3	1303A1							Trần Quang Việt	
6	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001007	1	1	25	CAD trong điện tử			2	1303A1											Trần Quang Việt	
7	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001008	1	1	25	CAD trong điện tử									2	1303A1					Trần Quang Việt	
8	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001010	1	1	25	CAD trong điện tử			1	1303A1											Trần Quang Việt	
9	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001011	1	1	25	CAD trong điện tử									1	1303A1					Trần Quang Việt	
10	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001015	1	1	25	CAD trong điện tử	3	1303A1													Trần Quang Việt	
11	ĐTMT	ĐH	14	202020803102001	1	1	25	CAD trong điện tử							1	1304A1							Nguyễn Văn Tùng	
12	ĐTMT	ĐH	14	202020803102006	1	1	25	CAD trong điện tử					3	1304A1									Nguyễn Văn Tùng	
13	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001017	1	1	25	CAD trong điện tử									2	1304A1					Nguyễn Văn Tùng	
14	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001018	1	1	25	CAD trong điện tử									3	1304A1					Nguyễn Văn Tùng	
15	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001014	1	1	25	CAD trong điện tử	2	1302A1													Phạm Thị Quỳnh Trang	
16	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001016	1	1	25	CAD trong điện tử									1	1302A1					Phạm Thị Quỳnh Trang	
17	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001003	1	1	25	CAD trong điện tử							3	1304A1							Lê Anh Tuấn	
18	ĐTMT	ĐH	14	202020803102003	1	1	25	CAD trong điện tử							2	1302A1							Dương Thị Hằng	
19	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001002	1	1	25	CAD trong điện tử					2	1302A1									Dương Thị Hằng	
20	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001004	1	1	25	CAD trong điện tử	1	1303A1													Dương Thị Hằng	

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhóm	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học														Giảng viên	Ghi chú
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật			
									Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
21	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001005	1	1	25	CAD trong điện tử					1	1302A1									Dương Thị Hằng	
22	ĐTMT	ĐH	14	20202FE6001013	1	1	25	CAD trong điện tử	2	1305A1													Dương Thị Hằng	
23	ĐTMT	CĐ	21	20201JC5161002	1	3	25	TH Kỹ thuật lập trình					1	1306A1									Lê Thị Trang	
24	ĐTMT	ĐH	13	202020803159001	1	2	37	TH Thiết kế vi mạch số			2	1302A1											Tống Văn Luyên	
1	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027001	1	1	25	MHH và MP	1	1505A1													Đặng Cẩm Thạch	
2	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027002	1	1	25	MHH và MP					2	1505A1									Phạm Thị Thanh Huyền	
3	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027003	1	1	25	MHH và MP	2	1505A1													Trần Đình Thông	
4	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027004	1	1	25	MHH và MP	3	1505A1													Trần Đình Thông	
5	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027005	1	1	25	MHH và MP					1	1505A1									Phạm Thị Thanh Huyền	
6	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027006	1	1	26	MHH và MP			1	1505A1											Trần Đình Thông	
7	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027007	1	1	25	MHH và MP			2	1505A1											Trần Đình Thông	
8	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027008	1	1	25	MHH và MP									2	1505A1					Phạm Thị Thanh Huyền	
9	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027009	1	1	25	MHH và MP											2	1505A1			Trần Đình Thông	
10	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027010	1	1	25	MHH và MP			3	1505A1											Trần Đình Thông	
11	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027011	1	1	25	MHH và MP									1	1505A1					Phạm Thị Thanh Huyền	
12	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027012	1	1	25	MHH và MP											1	1505A1			Trần Đình Thông	
13	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027013	1	1	25	MHH và MP					3	1505A1									Phạm Thị Thanh Huyền	
14	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027014	1	1	25	MHH và MP							2	1505A1							Trần Đình Thông	
15	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027015	1	1	25	MHH và MP											3	1505A1			Trần Đình Thông	
16	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027016	1	1	25	MHH và MP							1	1505A1							Trần Đình Thông	
17	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027017	1	1	25	MHH và MP									3	1505A1					Phạm Thị Thanh Huyền	
18	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027018	1	1	25	MHH và MP							3	1505A1							Trần Đình Thông	
19	KTĐT	ĐH	14	20202FE6027019	1	1	25	MHH và MP													1	1505A1	Trần Đình Thông	Lớp bổ sung
20	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037001	1	1	25	TH điện tử tương tự	2	1403A1													Hà Thị Phương	
21	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037002	1	1	26	TH điện tử tương tự	1	1406A1													Lê Mạnh Long	

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhóm	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học														Giảng viên	Ghi chú
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật			
									Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
22	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037003	1	1	25	TH điện tử tương tự							2	1403A1							Trần Xuân Phương	
23	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037004	1	1	25	TH điện tử tương tự	1	1403A1													Hà Thị Phương	
24	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037005	1	1	25	TH điện tử tương tự					2	1403A1									Trần Xuân Phương	
25	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037006	1	1	25	TH điện tử tương tự							1	1403A1							Trần Xuân Phương	
26	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037007	1	1	25	TH điện tử tương tự			2	1405A1											Lê Thị Trang	
27	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037008	1	1	25	TH điện tử tương tự					1	1404A1									Nguyễn Ngọc Anh	
28	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037009	1	1	25	TH điện tử tương tự											2	1404A1			Nguyễn Ngọc Anh	
29	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037010	1	1	25	TH điện tử tương tự															Nguyễn Đắc Hải	Bắt đầu từ t
30	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037011	1	1	25	TH điện tử tương tự											1	1404A1			Nguyễn Ngọc Anh	
31	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037012	1	1	25	TH điện tử tương tự	2	1406A1													Lê Mạnh Long	
32	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037013	1	1	25	TH điện tử tương tự					2	1404A1									Nguyễn Ngọc Anh	
33	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037014	1	1	25	TH điện tử tương tự					1	1403A1									Trần Xuân Phương	
34	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037015	1	1	25	TH điện tử tương tự											2	1403A1			Trần Xuân Phương	
35	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037016	1	1	25	TH điện tử tương tự									1	1406A1					Trần Đình Thông	
36	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037017	1	1	25	TH điện tử tương tự									2	1406A1					Trần Đình Thông	
37	KTĐT	ĐH	14	20202FE6037018	1	1	25	TH điện tử tương tự											1	1403A1			Trần Xuân Phương	
38	KTĐT	ĐH	14	202020803160001	1	1	25	TH Điện tử			1	1405A1											Lê Thị Trang	
39	KTĐT	ĐH	14	202020803160002	1	1	25	TH Điện tử			2	1402A1											Vũ Thị Hoàng Yến	
40	KTĐT	ĐH	14	202020803160003	1	1	25	TH Điện tử			3	1402A1											Vũ Thị Hoàng Yến	
41	KTĐT	ĐH	14	202020803160004	1	1	25	TH Điện tử							1	1405A1							Phạm Thị Thanh Huyền	
42	KTĐT	ĐH	14	202020803160005	1	1	25	TH Điện tử							2	1405A1							Phạm Thị Thanh Huyền	
43	KTĐT	ĐH	14	202020803160007	1	1	25	TH Điện tử					1	1402A1									Đặng Cẩm Thạch	
44	KTĐT	ĐH	14	202020803160009	1	1	25	TH Điện tử					2	1402A1									Đặng Cẩm Thạch	
46																								
47	KTĐT	CĐ	22	20201JC5154001	1	4	24	TH ĐTCB			1	1402A1	1	1405A1	1	1404A1	1	1402A1					Nguyễn Hữu Giang	ĐTCN1

TT	Bộ môn	Hệ	Khóa	Mã lớp	Tên nhóm	Tổng số nhóm	SL HS-SV	Học phần/ Môn học	Ngày học \ Ca học - Phòng học														Giảng viên	Ghi chú
									Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật			
									Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng	Ca	Phòng		
	KTĐT	CĐ	22	20201JC5154001	1	4	24	TH ĐTCB			2	1403A1	2	1405A1	2	1404A1							Nguyễn Hữu Giang	ĐTCN1
49	KTĐT	CĐ	22	20201JC5154002	1	3	25	TH ĐTCB			3	1403A1	3	1405A1			2	1402A1	2	1402A1	2	1402A1	Nguyễn Hữu Giang	ĐTCN1
50	KTĐT	CĐ	22	20201JC5154002	1	3	25	TH ĐTCB											3	1402A1	3	1402A1	Nguyễn Hữu Giang	ĐTCN2